

Số: /QĐ-STP

Cao Bằng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-STP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Khối Văn phòng Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng (*theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các phòng chuyên môn và Kế toán Văn phòng Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Bàn Thanh Hiền

DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STP ngày 31/12/2021 của Sở Tư pháp Cao Bằng)

DVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	230.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.656.810
1	Chi quản lý hành chính	9.656.810
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.616.810
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.040.000